

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/LĐ-ST

Ngày: 31 – 3 – 2025

V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Võ Đông Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 243/2024/TLST – LĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐ-HPT ngày 12/3/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng D, sinh năm 1986 (xin vắng mặt); Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Công ty TNHH S1;

Địa chỉ trụ sở: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông WU Scott Chen Y - Chức vụ Giám đốc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần S – Giám đốc (xin vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Mộng D trình bày:

Do không am hiểu quy định pháp luật nên vào năm 2005 bà có cho bà Nguyễn Thị C mượn giấy chứng minh nhân dân do bà đứng tên để xin việc làm tại Công ty TNHH S1; địa chỉ trụ sở: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, Long An. Bà C có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 485018200 trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006, thì bà C nghỉ việc.

Trong khi đó, tháng 4/2004, bà D xin vào làm việc tại Công ty TNHH S2, địa chỉ: xã M, huyện Đ, Long An. Bà D có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và được cấp Sổ bảo hiểm xã hội mã số 020417947, đến tháng 9/2010 thì bà xin nghỉ việc.

Do vậy, hiện nay tồn tại 02 sổ bảo hiểm xã hội số 4805018200 và số 0204179747 cùng mang tên Nguyễn Mộng D (trùng thời gian tham gia BHXH từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006) nên bà D không thể thực hiện việc chốt sổ và lãnh bảo hiểm được. Do đó bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Tuyên vô hiệu hợp đồng lao động lập giữa bà Nguyễn Mộng D (người thực hiện lao động là Nguyễn Thị C) với Công ty TNHH S1.

2/ Điều chỉnh tên ghi trên sổ bảo hiểm xã hội mã số 4805018200 từ tên Nguyễn Mộng D sang tên Nguyễn Thị C tham gia lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2005 đến tháng 07/2006.

Đối với Công ty TNHH S1: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, người đại diện theo pháp luật của công ty không đến tào theo giấy triệu tập, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng tại bản tự khai trình bày: Bà xác nhận có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Mộng D để xin vào làm việc tại Công ty TNHH S1 từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006 và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 4805018200 nhưng thông tin ghi trên hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm xã hội là Nguyễn Mộng D. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà D, không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1, địa chỉ trụ sở: xã Đ, Đ, Long An, có tham gia đóng bảo hiểm, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Mộng D từ tháng 8/2005 đến tháng 7 năm 2006 trên sổ bảo hiểm xã hội số 4805018200. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại BHXH tỉnh L đến ngày 18/01/2024, bà D đã hưởng chế độ BHXH một lần với số tiền hưởng 1.379.712 đồng.

BHXX tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 49 của Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội Khóa 14, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Mộng D về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Mộng D (do bà Nguyễn Thị C thực hiện) với Công ty TNHH S1; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, Đ, Long An, thời gian lao động từ tháng 8/2005 đến tháng 7/2006; Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 4805018200 từ tên Nguyễn Mộng D sang tên Nguyễn Thị C, thời gian lao động từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006 tại Công ty TNHH S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mộng D như trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH S1 có trụ sở tại ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Mộng D là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Thị C và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Mộng D khởi kiện Công ty TNHH S1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động giả tạo nên bà Nguyễn Mộng D có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ Luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Nguyễn Mộng D có nộp chứng cứ là: sổ BHXX mã số 0204179747 và quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian năm 2005 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Nguyễn Mộng D khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Nguyễn Mộng D (nhưng do bà Nguyễn Thị C là người trực tiếp lao động) với Công ty TNHH S1 là vô hiệu. Tuy nhiên, bà Nguyễn Mộng D, bà Nguyễn Thị C không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH S1 có tham gia đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Mộng D từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006 theo sổ bảo hiểm số 4805018200 nên có căn cứ xác định giữa bà Nguyễn Mộng D với Công ty TNHH S1 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 08 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006.

[2.2]. Xét thấy, bà Nguyễn Mộng D có cho bà Nguyễn Thị Cẩm M chứng minh nhân dân để giao kết hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006 tại Công ty TNHH S1, tham gia BHXH theo sổ BHXH số 4805018200. Trong khi đó bà Nguyễn Mộng D tham gia lao động tại Công ty TNHH S2 và tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 0204179747 từ tháng 02 năm 2004 đến tháng 9 năm 2010.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006 thì người mang tên Nguyễn Mộng D cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH S1 và Công ty TNHH S2.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị C tham gia trực tiếp lao động với Công ty TNHH S1 nhưng hợp đồng lao động ghi tên Nguyễn Mộng D là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Mộng D với Công ty TNHH S1 là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mộng D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Nguyễn Mộng D trên Sổ bảo hiểm xã hội số 4805018200 trong giai đoạn từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006 thành tên Nguyễn Thị C.

[3]. Bà Nguyễn Thị C, Công ty TNHH S1 không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về án phí sơ thẩm:

Ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Mộng D: tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm đồng sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Mộng D về việc: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH S1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Mộng D (do bà Nguyễn Thị C là người trực tiếp lao động) với Công ty S1 từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006.

1.2. Điều chỉnh tên Nguyễn Mộng D trên sổ bảo hiểm số 4805018200 trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 7 năm 2006 thành tên Nguyễn Thị C.

Bà Nguyễn Mộng D và bà Nguyễn Thị C được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh L để điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội số 4805018200 từ tên Nguyễn Mộng D sang tên Nguyễn Thị C.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Mộng D tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Mộng D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6955 ngày **03/12/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức